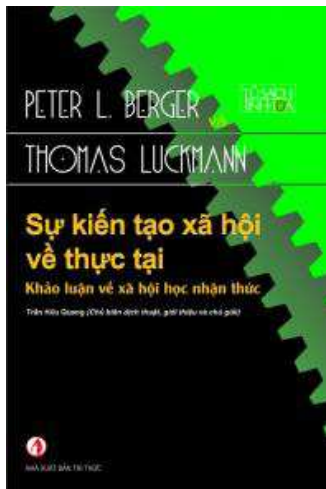


CHUYÊN MỤC

ĐỌC SÁCH

SỰ KIẾN TẠO XÃ HỘI VỀ THỰC TẠI KHẢO LUẬN VỀ XÃ HỘI HỌC NHẬN THỨC

LÊ MINH TIẾN



Nguyên tác:
*The Social
Construction
of Reality: A
Treatise in
the
Sociology of
Knowledge.*

Dịch giả:
Trần Hữu
Quang (Chủ
biên dịch

thuật, giới thiệu và chú giải).

Nhà xuất bản Tri Thức, 2015.

Được xếp vào nhóm mười công trình quan trọng nhất trong thế kỷ XX, công trình *Sự kiến tạo xã hội về thực tại* – *Khảo luận về xã hội học nhận thức* của hai nhà xã hội học Peter L. Berger và Thomas Luckmann đã chính thức đến với độc giả Việt Nam.

Lê Minh Tiến. Thạc sĩ. Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

Sở dĩ công trình này được xem là một trong những công trình quan trọng nhất của xã hội học là bởi hai tác giả đã xây dựng một lối tư duy xã hội học mới như cách sắp xếp của Philippe Corcuff, và là một trong những công trình được giới nghiên cứu khoa học xã hội đọc và trích dẫn nhiều nhất. Vậy vì sao có thể xem đây là một công trình xã hội học mới?

1. TỪ HAI TRUYỀN THỐNG XÃ HỘI HỌC

Cho đến trước những năm 1960, giới nghiên cứu xã hội học hình như chỉ tư duy theo một trong hai khuynh hướng, đó là khuynh hướng “tổng thể luận” (Le holisme) hoặc khuynh hướng “cá nhân luận” (L’individualisme). Khuynh hướng tổng thể luận với đại diện tiêu biểu là Émile Durkheim với quan niệm chú trọng đến “kiện tính khách quan” của xã hội khi ông chủ trương xem các sự kiện xã hội như những đồ vật.

Từ đó, nguyên tắc để giải thích các sự kiện xã hội phải xuất phát từ cái tập thể (le collectif) mà theo đó, ta không thể hiểu được các sự kiện xã hội bằng cách nghiên cứu những ý thức cá nhân tạo nên các sự kiện ấy, bởi ta chỉ có thể hiểu khi nghiên cứu tổng thể các ý thức chủ quan ấy mà thôi, cái tổng thể tạo ra một cái gì đó mới, khác chứ không phải là một phép cộng số học đơn thuần của các ý thức cá nhân. Thế nên với Durkheim, muốn giải thích các sự kiện xã hội thì phải dựa vào các sự kiện xã hội khác chứ không phải là dựa vào động cơ hay ý định chủ quan của những tác nhân hành động.

Ngược với khuynh hướng tổng thể luận là khuynh hướng cá nhân luận với nhân vật biểu tượng là Max Weber, bởi ông nhấn mạnh đến “mặt ý nghĩa chủ quan” của hành động con người trong xã hội. Theo Weber, chúng ta chỉ có thể giải thích được các cấu trúc xã hội nếu hiểu được và giải thích được các ứng xử cá nhân. Từ đó ông đề xướng lối tiếp cận “phương pháp luận qui về cá nhân” (L'individualisme méthodologique), cho rằng cần phải tiến hành quy giản những hiện tượng tập thể vào những hành động của con người cá thể, tức là đối tượng tri nhận, là bộ phức hợp ý nghĩa chủ quan của hành động.

Hai khuynh hướng trên được Berger và Luckmann xem như “những mệnh lệnh lên đường” (marching orders) thuộc vào loại quan trọng nhất đối với ngành xã hội học.

2. ĐẾN “CON ĐƯỜNG THỨ BA” TRONG TƯ DUY XÃ HỘI HỌC

Chúng tôi có thể gọi công trình *Sự kiến tạo xã hội về thực tại* của Peter L. Berger và Thomas Luckmann như là một nỗ lực tạo dựng nên “con đường thứ ba” trong tư duy xã hội học. Điều cần lưu ý trước tiên là hai ông cho rằng khuynh hướng tổng thể luận và khuynh hướng cá nhân luận như vừa nêu trên là không hề đối lập với nhau, mà chúng chỉ là hai góc nhìn chú ý đến hai mặt khác nhau của cùng một thực tại xã hội. Do đó trong công trình này, hai ông đã nỗ lực tìm lời giải cho câu hỏi được hai ông đánh giá là “câu hỏi trung tâm của lý thuyết xã hội học”, đó là “*Làm thế nào mà những ý nghĩa chủ quan có thể trở thành những hiện tính khách quan?*” hay nói cách khác “*Làm thế nào mà hoạt động của con người lại có thể tạo ra được một thế giới đồ vật?*”.

Câu trả lời này có thể được minh họa trong nội dung bàn về ngôn ngữ ở công trình này. Theo hai tác giả, một trong những yếu tố quan trọng nhất của sự khách thể hóa đó là những tín hiệu (signs) và ngôn ngữ chính là hệ thống tín hiệu quan trọng nhất của xã hội loài người. Thật vậy “những sự khách thể hóa thông thường của đời sống thường nhật chủ yếu được duy trì bởi quá trình tín hiệu hóa bằng ngôn ngữ” (trang 60). Ngôn ngữ bắt nguồn từ tình huống tương tác trực diện (face-to-face), từ trong đời sống thường nhật và qui chiếu vào đời sống thường nhật. Với tư cách là một

hệ thống tín hiệu, ngôn ngữ có đặc tính là mang tính khách quan: con người phải đối diện với ngôn ngữ như một kiện tính khách quan, tức là con người phải chịu sự cưỡng chế của ngôn ngữ theo nghĩa là con người buộc phải tuân thủ theo các khuôn mẫu của nó. Tức là ta không thể nào sử dụng các qui tắc của cú pháp tiếng Đức khi ta nói tiếng Anh, không thể sử dụng những từ được phát minh bởi đứa trẻ ba tuổi để giao tiếp với người lớn bởi ta phải lưu tâm đến những chuẩn mực đang thịnh hành về cách ăn nói thích hợp với những hoàn cảnh khác nhau.

Như vậy qua phần trình bày về ngôn ngữ, chúng ta đã thấy được phần nào câu trả lời cho câu hỏi *“Làm thế nào mà những ý nghĩa chủ quan có thể trở thành những kiện tính khách quan?”*. Bởi ngôn ngữ được con người tạo ra và lúc đầu nó mang ý nghĩa chủ quan của những người tham gia vào cuộc hội thoại trực diện, sau đó ngôn ngữ lại trở thành một kiện tính khách quan chi phối lại cách sử dụng ngôn ngữ của con người.

Ở phần hai và phần ba, những phần quan trọng nhất của công trình cũng được các tác giả trình bày theo mạch suy nghĩ nhằm trả lời cho câu hỏi bên trên, bởi như các ông viết “... chúng tôi đã cho thấy làm thế nào mà các lập trường lý thuyết của Weber và của Durkheim có thể được kết hợp với nhau trong một lý thuyết toàn diện về hành động xã hội mà không làm mất đi cái lô-gíc nội tại của lập trường mỗi

bên” (trang 268). Mặc dù Philippe Corcuff cho rằng cách tiếp cận kiến tạo xã hội không nằm trên cùng một bình diện để có thể hóa giải sự đối lập giữa tổng thể luận và cá nhân luận, nhưng, công trình của Berger và Luckmann cùng với những công trình của Norbert Elias hay của Anthony Giddens chính là những nỗ lực nối kết giữa hai khuynh hướng lý thuyết.

Về phần bản dịch tiếng Việt, chúng tôi nhận thấy rằng nhóm dịch giả do Trần Hữu Quang đứng đầu đã cho ra một bản dịch công phu. Sự công phu này thể hiện qua phần chú giải thuật ngữ hết sức chi tiết mà chúng tôi không thấy có trong bản dịch tiếng Pháp. Việc chú giải thuật ngữ là điều cần thiết bởi những công trình xã hội học kinh điển của các tác giả lừng danh thường bao hàm những thuật ngữ do chính họ tạo ra và theo ý nghĩa mà họ muốn gán ghép chứ không phải theo các ý nghĩa thông thường.

Cuối cùng, đây là một công trình xuất sắc với bản dịch tốt, nhưng là một công trình không dễ đọc. Nhưng chắc chắn công trình này sẽ góp phần làm giàu thêm “kho kiến thức” xã hội học nói riêng và ngành khoa học xã hội nói chung tại Việt Nam, như nhận định của nhà xã hội học Pháp Danilo Martuccelli: đây là một trong những cuốn sách hiếm hoi mà người ta có ấn tượng rằng nó đã ít nhiều làm thay đổi cách nhìn của mình, bởi nó đã mở ra một lối tiếp cận mới, gợi ra nhiều ý tưởng mới và nhiều chủ đề nghiên cứu mới. □